

THÔNG TƯ

**Quy định về đồ vật cấm đưa vào
nơi chấp hành án phạt tù và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm**

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù của phạm nhân và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù do Công an nhân dân quản lý bao gồm: cơ sở giam giữ phạm nhân; khu lao động ngoài trại giam; khu điều trị riêng, buồng riêng trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; nơi quản lý phạm nhân được trích xuất (sau đây gọi chung là nơi chấp hành án phạt tù của phạm nhân) và việc thu giữ, bảo quản, xử lý đồ vật cấm, xử lý phạm nhân, tổ chức, cá nhân vi phạm.

Điều 2. Đồ vật cấm

1. Vũ khí quân dụng, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, súng săn; vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ.

2. Công cụ hỗ trợ: súng bắn điện, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, từ trường, laze, lưới; súng phóng dây mìn; súng bắn đạn nhựa nổ, cao su, hơi cay, pháo hiệu, hiệu lệnh, đánh dấu và đạn sử dụng cho các loại súng này; phương tiện xịt hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, chất gây ngứa; lựu đạn khói, lựu đạn cay, quả nổ; dùi cui điện, dùi cui cao su, dùi cui kim loại; khóa số tám, bàn chông, dây đinh gai; áo giáp; găng tay điện, găng tay bắt dao; lá chắn, mũ chống đạn; thiết bị áp chế bằng âm thanh và công cụ khác có tính năng, tác dụng tương tự như công cụ hỗ trợ.

3. Chất cháy, chất gây cháy, chất phóng xạ, hoá chất, độc dược.

4. Các chất ma tuý và tiền chất.

5. Thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh, thuốc gây nghiện, thuốc hướng

thần; rượu, bia và các chất kích thích khác.

6. Phích nước; đồ vật bằng kim loại, đồ làm bằng sành sứ, đá, thủy tinh hoặc bằng chất liệu khác có thể dùng làm hung khí.

7. Tiền, giấy tờ có giá, các loại thẻ thanh toán bằng hình thức điện tử, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý.

8. Giấy tờ tùy thân, giấy tờ về cư trú, giấy chứng nhận nghề, bằng cấp, chứng chỉ và các giấy tờ chứng nhận khác.

9. Thiết bị, linh kiện điện tử, thông tin liên lạc cá nhân, phương tiện ghi âm, ghi hình, trừ các trang thiết bị điện tử dùng trong y tế nhằm bảo đảm sức khỏe cá nhân cho phạm nhân như: máy đo huyết áp, máy trợ thính, máy trợ tim và các loại máy phụ trợ khác theo quy định của pháp luật về y tế.

10. Sách, báo, ấn phẩm, tôn giáo, tín ngưỡng không được in, phát hành hợp pháp; tranh, ảnh, phim, băng đĩa có nội dung nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mê tín dị đoan, đồi trụy; các loại bài lá, sách, báo, tài liệu (in, viết, vẽ hoặc hình thức khác) gây ảnh hưởng đến công tác quản lý, giáo dục phạm nhân.

11. Thực phẩm tươi sống hoặc thực phẩm đã qua sơ chế, chế biến nhưng không có điều kiện bảo quản, không bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

12. Đồ vật khác có thể gây mất an toàn nơi chấp hành án phạt tù của phạm nhân, gây nguy hại cho bản thân phạm nhân và người khác, ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường, sức khỏe của phạm nhân hoặc sử dụng vào mục đích vi phạm nội quy, vi phạm pháp luật.

Điều 3. Thu giữ, bảo quản đồ vật cấm

1. Khi phát hiện phạm nhân, cá nhân có hành vi đưa vào, sử dụng trái phép hoặc tàng trữ đồ vật cấm, cán bộ phát hiện báo cáo ngay Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam về nội dung vụ việc.

2. Cán bộ được giao trách nhiệm xử lý vụ việc lập biên bản vi phạm, tạm giữ đồ vật cấm, ghi lời khai phạm nhân, cá nhân vi phạm, người làm chứng để làm rõ hành vi vi phạm và đề xuất Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam hình thức xử lý vụ việc.

3. Biên bản tạm giữ đồ vật cấm phải mô tả đúng thực trạng số lượng, trọng lượng, chủng loại, hình dáng, kích thước, màu sắc và các đặc điểm khác của đồ vật cấm, đồng thời, niêm phong đồ vật cấm (đối với đồ vật cần niêm phong).

4. Đồ vật cấm thu giữ được bảo quản, có biên bản giao nhận, vào sổ theo dõi, không để mất mát, hư hỏng.

5. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam có trách nhiệm bố trí nơi lưu giữ và cán bộ quản lý đồ vật cấm.

Điều 4. Xử lý vi phạm

1. Đối với hành vi đưa vào, sử dụng trái phép hoặc tàng trữ đồ vật cấm trong trại giam có dấu hiệu tội phạm thì Giám thị trại giam ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu theo thẩm quyền, sau đó chuyển cơ quan điều tra có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi đưa vào, sử dụng trái phép hoặc tàng trữ đồ vật cấm trong trại tạm giam có dấu hiệu tội phạm thì Giám thị trại tạm giam có văn bản đề nghị và chuyển ngay hồ sơ vi phạm, vật chứng cho cơ quan điều tra có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Người nào phát hiện, tố giác hành vi đưa vào, sử dụng trái phép hoặc tàng trữ đồ vật cấm ở nơi chấp hành án phạt tù của phạm nhân giúp cơ quan chức năng kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm, thu giữ đồ vật cấm được xem xét khen thưởng.

Phạm nhân, tổ chức, cá nhân không tố giác hoặc có hành vi giúp sức đưa vào, tàng trữ, sử dụng đồ vật cấm ở nơi chấp hành án phạt tù của phạm nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Xử lý đồ vật cấm

1. Đối với đồ vật cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Thông tư này, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; đối với đồ vật cấm quy định tại các khoản 5, 6, 10, 11 và 12 Điều 2 Thông tư này, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam quyết định xử lý (trừ các đồ vật cấm được quy định tại khoản 1 Điều 4); đối với đồ vật cấm quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư này hoặc đồ vật cấm đã chuyển giao và được các cơ quan chức năng trả lại cơ sở giam giữ phạm nhân thì thành lập Hội đồng xử lý đồ vật cấm.

2. Đối với đồ vật cấm quy định tại khoản 7 Điều 2 Thông tư này được xử lý như sau:

a) Trường hợp phạm nhân tự nguyện giao nộp thì được đưa vào nơi lưu giữ hoặc bàn giao cho người thân thích theo đề nghị của phạm nhân;

b) Trường hợp phát hiện, thu giữ sau khi đấu tranh, xử lý hành vi vi phạm, được niêm phong, lưu giữ tại nơi lưu giữ đồ vật cấm và trả lại cho phạm nhân ngay sau khi chấp hành xong án phạt tù, đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù hoặc bàn giao cho đơn vị quản lý phạm nhân khi phạm nhân thực hiện quyết định chuyển nơi chấp hành án.

Trường hợp phạm nhân chết trong quá trình chấp hành án phạt tù, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thực hiện bàn giao cho người thân thích của phạm nhân.

c) Đối với cá nhân vi phạm thì bàn giao đồ vật cấm và người vi phạm cho Công an cấp xã nơi phát hiện vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Trường hợp đồ vật cấm qua xác minh không xác định được chủ sở hữu thì bàn giao cho Công an cấp xã nơi phát hiện để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Đồ vật cấm quy định tại khoản 8 Điều 2 Thông tư này sau khi thu giữ phải niêm phong, lưu giữ tại nơi lưu giữ đồ vật cấm và trả lại cho phạm nhân ngay sau khi chấp hành xong án phạt tù, đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù hoặc bàn giao cho đơn vị quản lý phạm nhân khi phạm nhân thực hiện quyết định chuyển nơi chấp hành án.

Trường hợp phạm nhân chết trong quá trình chấp hành án phạt tù, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thực hiện bàn giao cho người thân thích của phạm nhân.

4. Đồ vật cấm quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư này sau khi thu giữ phải niêm phong, lưu giữ để làm rõ nội dung vụ việc. Sau khi xác minh, xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này, nếu không có dấu hiệu tội phạm và vi phạm hành chính thì cơ sở giam giữ phạm nhân lập Hội đồng xử lý đồ vật cấm.

5. Hội đồng xử lý đồ vật cấm

a) Đối với trại giam: Giám thị làm Chủ tịch; Phó Giám thị phụ trách công tác trình sát làm Phó Chủ tịch; Đội trưởng Đội Trình sát làm Thư ký và các ủy viên khác do Giám thị quyết định.

Trường hợp vì lý do khách quan Giám thị, Đội trưởng, Trưởng phân trại không tham gia Hội đồng thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Giám thị, Phó Đội Trưởng, Phó Trưởng phân trại tham gia.

b) Đối với trại tạm giam: Giám thị làm Chủ tịch; Phó Giám thị phụ trách công tác trình sát làm Phó Chủ tịch; Đội trưởng Đội thực hiện công tác trình sát làm Thư ký và các ủy viên khác do Giám thị quyết định.

Trường hợp vì lý do khách quan Giám thị, Đội trưởng, Trưởng phân trại không tham gia Hội đồng thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Giám thị, Phó Đội Trưởng, Phó Trưởng phân trại tham gia.

Điều 6. Hồ sơ xử lý đồ vật cấm

1. Hồ sơ xử lý đồ vật cấm bao gồm:

a) Biên bản vi phạm; Biên bản tạm giữ đồ vật cấm; Biên bản niêm phong đồ vật cấm (nếu có);

b) Biên bản ghi lời khai người vi phạm và người làm chứng;

c) Bản kiểm điểm người vi phạm, bản tường trình của người có liên quan;

d) Báo cáo của cán bộ thu giữ đồ vật cấm;


đ) Báo cáo đề nghị hình thức kỷ luật phạm nhân vi phạm (nếu có);

e) Quyết định thu giữ đồ vật cấm;

g) Quyết định thành lập Hội đồng xử lý đồ vật cấm (nếu có);

- h) Quyết định xử lý đồ vật cấm;
 - i) Quyết định xử lý người có hành vi vi phạm (nếu có);
 - k) Biên bản bàn giao hoặc biên bản xử lý đồ vật cấm;
 - l) Biên bản bàn giao hồ sơ, tài liệu có liên quan (nếu chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định);
 - m) Các tài liệu khác có liên quan.
2. Hồ sơ xử lý đồ vật cấm được lưu giữ tại Đội thực hiện công tác trinh sát và thực hiện theo quy định về công tác hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Thông tư số 10/2020/TT-BCA ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đồ vật cấm đưa vào cơ sở giam giữ phạm nhân và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Công an các địa phương, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
4. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Thông tư này.
5. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng) để được hướng dẫn. / 

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công an;
- Giám đốc Công an tỉnh, thành phố;
- Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam;
- Lưu: VT, C10 (P3), V03. NKT.



Đại tướng Lương Tam Quang